

Số: /KH-SNN

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH
Sản xuất cây trồng vụ Thu Đông 2022

Nhằm thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất cây trồng năm 2022, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Thu Đông 2022 như sau:

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Theo nhận định của Đài khí tượng thủy văn Tỉnh:

- Trong tháng 6 - 9/2022 tổng lượng mưa ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ khoảng từ 10 - 20%; tháng 10/2022 lượng mưa ở mức nhiều hơn TBNN cùng thời kỳ khoảng 10 - 20%.

- Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) từ tháng 5-7/2022, có khả năng ít hơn TBNN, sau đó từ tháng 8-10/2022 có xu hướng ở mức xấp xỉ so với TBNN.

- Từ nay đến cuối năm 2022, dự báo trên khu vực Biển Đông có khoảng 10-12 cơn bão và ATNĐ, trong đó, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta khoảng từ 4-6 cơn, thấp hơn đến xấp xỉ so với TBNN (TBNN khoảng từ 12-14 cơn, ảnh hưởng trực tiếp khoảng từ 5-7 cơn).

- Mực nước tại các nơi trong Tỉnh tiếp tục xuống thấp dần đến cuối tháng 5 và ở mức xấp xỉ cùng kỳ năm 2021. Từ giữa tháng 6 mực nước tại các nơi trong Tỉnh có xu thế tăng dần do ảnh hưởng kết hợp của triều cường và lượng nước từ thượng nguồn về, đến cuối tháng 7 mực nước khu vực đầu nguồn của Tỉnh ở mức từ 2,0 - 2,5 m. Mực nước các nơi trong Tỉnh tiếp tục tăng dần và đạt đỉnh cao nhất năm vào khoảng nửa đầu tháng 10 và ở mức cao hơn năm 2021 nhưng ở mức thấp hơn TBNN khoảng từ 0,3- 0,5 m; riêng khu vực phía Nam ở mức cao hơn TBNN khoảng 0,1 - 0,2 m.

- Nhìn chung, tình hình thời tiết, thủy văn năm 2022 còn diễn biến phức tạp, cần chủ động đề phòng các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lớn trong thời đoạn ngắn; dông, tố, lốc, sét, triều cường dâng cao,... ảnh hưởng đến khu vực trong các tháng cuối năm.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ THU ĐÔNG NĂM 2022

1. Mục tiêu

- Khai thác lợi thế về tiềm năng sản xuất lúa, ổn định sản lượng lúa vụ Thu Đông, chủ động phòng chống mưa lũ, tiêu úng, bảo đảm sản xuất an toàn; đồng thời sử dụng giống lúa cấp xác nhận, lúa chất lượng cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng đối với cây lúa.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất lúa, gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho nông dân.

2. Chỉ tiêu kế hoạch

2.1. Diện tích sản xuất cây trồng

- Vụ Thu Đông 2022 toàn Tỉnh sẽ xuống giống 113.600 ha, năng suất bình quân 58 tạ/ha; Sản lượng 655.171 tấn. Trong đó:

- + Lúa chất lượng cao chiếm 70% diện tích xuống giống.
- + Diện tích áp dụng sạ hàng, sạ thưa 30% diện tích xuống giống.
- + Tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận 80% diện tích.
- + Thu hoạch bằng máy chiếm 100% diện tích.

- Tổng diện tích gieo trồng hoa màu cây công nghiệp ngắn ngày đạt 8.123 ha, bao gồm các loại cây trồng chủ lực như: Bắp, Khoai lang, Ót và rau đậu các loại.

(Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo)

2.2. Diện tích xả lũ

Diện tích xả lũ 88.162,5 ha trên 510 ô bao, thời gian xả lũ từ ngày 01/7/2022 đến ngày 15/12/2022 áp dụng cụ thể đối với từng khu vực của từng địa phương. Tùy tình hình lũ, mực nước cho vào ruộng dao động từ 0,4 m – 2 m (chủ yếu những khu vực có kiểm soát).

(Chi tiết Phụ lục 2 kèm theo)

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Về chỉ đạo sản xuất

- Tùy theo điều kiện từng vùng, các địa phương xác định cụ thể diện tích sản xuất vụ Thu Đông 2022 trên cơ sở chủ động trong phòng chống sâu bệnh, mưa, lũ, tiêu úng kịp thời kết hợp kế hoạch xả lũ của huyện, thành phố. Chỉ xuống giống ở những diện tích có bờ bao chống lũ triệt để nhằm đảm bảo sản xuất an toàn.

- Thực hiện tốt vệ sinh đồng ruộng, cày hoặc xới phơi đất trước khi xuống giống, bảo đảm thời gian cách ly 2-3 tuần với vụ Hè thu để hạn chế ngộ độc hữu cơ.

- Đối với những ô đê bao không xuống giống Thu Đông 2022, xả lũ sau khi kết thúc vụ Hè Thu 2022 cần kiểm tra, theo dõi thường xuyên để đảm bảo không ảnh hưởng đến các ô đê bao có kế hoạch xuống giống Thu Đông 2022. Trên những vùng, khu vực sản xuất lúa vụ Thu Đông 2022 phải xuống giống tập trung, đồng loạt và né rầy, hạn chế thấp nhất sự phát sinh gây hại của sâu bệnh.

3.2. Bố trí lịch thời vụ

Dựa vào tình hình thực tế sản xuất vụ Hè Thu 2022, các huyện, thành phố căn cứ vào các điều kiện như rầy di trú, thủy triều, tình hình mưa, mực nước lũ, kế hoạch xả lũ, hệ thống thủy lợi từng vùng để xác định cụ thể thời điểm xuống giống phù hợp từng ô bao, khu vực ở địa phương, bảo đảm xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy và thu hoạch an toàn, không bị thiệt hại do lũ.

Dự kiến khung lịch xuống giống lúa vụ Thu Đông 2022 như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 17/6 – 24/6/2022 (19/5 – 26/5/2022 âm lịch):

Đây là đợt xuống giống ngay sau khi thu hoạch lúa Hè Thu 2022, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế ngộ độc hữu cơ. Ước diện tích xuống giống đợt này khoảng 50.000 ha, tập trung ở huyện Cao Lãnh, Tháp Mười.

- Đợt 2: Từ ngày 17/7 – 24/7/2022 (19/6 – 26/6/2022 âm lịch):

Đây là đợt xuống giống chủ lực vụ Thu Đông 2022 của Tỉnh. Tuy nhiên, do lúa Hè Thu 2022 đang thu hoạch rộ nên khả năng mật số rầy di trú rất cao, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến rầy từng ô bao, khu vực để điều chỉnh lịch xuống giống đạt hiệu quả, chỉ xuống giống trong vùng đê bao đảm bảo vượt lũ an toàn, thực hiện các giải pháp để hạn chế ngộ độc hữu cơ. Không xuống giống kéo dài nhằm bảo đảm thời vụ cho vụ Đông Xuân 2022-2023.

3.3. Giải pháp về giống

- Nâng cao năng lực công tác quản lý giống lúa, hạn chế và quản lý chặt chẽ việc phóng thích các giống lúa mới chưa có Quyết định công nhận lưu hành vào trong sản xuất và kinh doanh.

- Các huyện, thành phố cần xác định bộ giống cho sản xuất lúa của địa phương gồm 3-4 giống chủ lực; 3-4 giống bổ sung. Khuyến khích nông dân sử dụng giống lúa xác nhận, giống chất lượng cao, thích nghi với điều kiện đất đai địa phương, năng suất cao và ổn định, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ, chống chịu với một số đối tượng sâu bệnh chủ yếu.

- Cơ cấu nhóm giống lúa:

+ Vùng Đồng Tháp Mười (gồm 8 huyện: Hồng Ngự, Tp. Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Tp. Cao Lãnh): ưu tiên áp dụng giống lúa cực ngắn ngày, chịu phèn mặn trung bình – khá: Giống chủ lực: OM 18, Đài Thơm 8, IR 50404, OM 5451, OM 6976, OM 4900... Giống bổ sung: OM 576, VD 20, OM 7347, Jasmine 85, Nàng Hoa 9...

+ Vùng phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu (gồm 06 huyện: Hồng Ngự (Cù lao), Thanh Bình (Cù Lao), Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành, Tp. Sa Đéc): ưu tiên sử dụng các giống lúa cao sản chất lượng cao: Giống chủ lực: OM 18, OM 4900, OM 6976, OM 5451, Đài Thơm 8, Jasmine 85...Giống bổ sung: OM 7347, Nàng Hoa 9, VD 20, RVT, OM 9582...

- Xây dựng kế hoạch sản xuất rau màu linh hoạt, xem xét điều chỉnh cơ cấu giống rau, củ, quả có thời gian bảo quản kéo dài, phù hợp thị trường, đảm bảo nhu cầu tiêu thụ rau tại địa phương, cung ứng ngoài tỉnh.

3.4. Về áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, tổ chức các lớp tập huấn, các buổi tọa đàm về kỹ thuật sản xuất, chăm sóc bảo vệ, phòng trừ dịch hại trên cây trồng cho nông dân.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình 3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm, mô hình giảm giá thành sản xuất lúa, khuyến khích mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn SRP. Chú trọng các biện pháp luân canh mùa vụ, thiết kế hệ thống tưới hợp lý.

- Khuyến cáo áp dụng công cụ sạ hàng, máy cấy lượng giống gieo sạ 80 - 100 kg/ha, lượng giống gieo mạ 40-50 kg/ha; sử dụng bảng so màu lá lúa, bón phân cân đối, hợp lý; quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác dự tính, dự báo dịch hại trên cây lúa.

3.5. Giải pháp cơ giới hoá

Thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hợp, các biện pháp phơi sấy, tồn trữ phù hợp với từng vùng. Đây là một trong những khâu quan trọng giúp giảm thất thoát, giảm chi phí thu hoạch và nâng cao phẩm chất lúa gạo. Nâng tỷ lệ diện tích thu hoạch bằng máy đạt 100% nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất lúa.

3.6. Giải pháp bảo vệ sản xuất

- Theo dõi sát tình hình thời tiết, thủy văn, thực hiện tốt công tác điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh để phục vụ cho việc chỉ đạo xuống giống và triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ sản xuất.

- Chủ động triển khai các giải pháp khắc phục hậu quả ngập úng, lũ lụt. Kịp thời tu sửa, nâng cấp hệ thống đê bao, nạo vét kênh mương bị bồi lắng, sạt lở do lũ gây ra, đảm bảo tưới và tiêu nước cho cây trồng.

- Thực hiện kiên cố hoá kênh mương, thủy lợi nội đồng, kết hợp với giao thông nông thôn, gắn với tiêu chí nông thôn mới; phát triển các trạm bơm điện phục vụ sản xuất.

- Duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, phân công cán bộ bám sát địa bàn phụ trách, tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất, nhất là về lịch thời vụ và giám sát chặt chẽ đồng ruộng để phát hiện và xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng trừ dịch bệnh, nhất là rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá. Ngoài ra, cần chú ý đến các đối tượng dịch hại khác như: Muỗi hành, nhện gié, bệnh đạo ôn, bệnh thối thân, thối gốc, cháy bìa lá, lem lép hạt, ốc bươu vàng, chuột...

- Thực hiện công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về lịch thời vụ, tình hình dịch bệnh và hướng dẫn các biện pháp phòng trừ để nông dân biết thực hiện.

- Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn ngừa tình trạng buôn bán giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu, thuốc ngoài danh mục, phân bón giả, kém chất lượng, không công khai niêm yết giá.

3.7. Về tổ chức liên kết sản xuất với tiêu thụ

- Triển khai kế hoạch thực hiện cánh đồng liên kết sản xuất với tiêu thụ lúa gạo, xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất qui mô lớn.

- Thực hiện các giải pháp củng cố hợp tác xã, tổ hợp tác, thông tin, tuyên truyền, vận động nông dân trong cánh đồng, khu vực cùng liên kết sản xuất, áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật để có lượng lúa hàng hoá đạt chất lượng theo yêu cầu thị trường.

- Phối hợp và tạo điều kiện cho các công ty, doanh nghiệp chủ động liên kết với nông dân thông qua các Hợp tác xã (HTX) để cung ứng giống, vật tư nông nghiệp đầu vào và tiêu thụ lúa cho nông dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phòng Kinh tế huyện, thành phố; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện theo dõi, tổng hợp tình hình sản xuất, các yếu tố tác động đến sản xuất, dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh, kịp thời tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều hành, chỉ đạo sản xuất.

- Tiếp tục ứng dụng GIS trong công tác dự tính, dự báo tình hình dịch bệnh, thông tin, thông báo, hướng dẫn kịp thời cho nông dân các biện pháp phòng trừ hiệu quả.

- Phối hợp công tác thanh kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng tăng giá, bán hàng không đúng chất lượng, kém phẩm chất.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch nhân rộng và xây dựng mới các mô hình khuyến nông có hiệu quả trong sản xuất, cánh đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ. Phối hợp với các Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc triển khai, thực hiện.

- Liên hệ với các cơ quan nghiên cứu để tiếp nhận, chuyển giao quy trình kỹ thuật tiên tiến trên lĩnh vực cây trồng vào sản xuất, thông tin về thị trường cho nông dân.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình 3 giảm 3 tăng; 1 phải 5 giảm, mô hình giảm giá thành sản xuất lúa, khuyến khích mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn SRP.

3. Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao

- Phối hợp với đơn vị tổ chức đánh giá, tuyển chọn những giống đang sản xuất trong Tỉnh và tiếp nhận từ các Viện, Trường những giống lúa triển vọng, giống rau màu mới, giống cây ăn quả tốt, sạch bệnh có năng suất, chất lượng tốt để nhân rộng phục vụ cho sản xuất và chuyển đổi cấu cây trồng trong Tỉnh.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển ngành hàng hoa kiểng, phối hợp với các đơn vị, địa phương chuyển giao kỹ thuật, giống mới, kết hợp sản xuất với tham quan du lịch... để nâng cao giá trị và lợi nhuận cho người sản xuất.

4. Chi cục Thủy lợi

- Theo dõi tình hình thủy văn, lũ lụt, phối hợp với các huyện, thành phố đánh giá hiện trạng đê bao, độ ngập nước trên ruộng, khả năng tiêu nước, thoát lũ..., tham mưu kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chỉ đạo sản xuất.

- Chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, theo dõi đầu tư, triển khai thực hiện các công trình tưới tiêu, phòng chống lụt bão, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

5. Chi cục Phát triển nông thôn

Phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế các huyện, thành phố củng cố các hợp tác xã, tổ hợp tác, hoạt động đi vào chiều sâu theo hướng khép kín từ sản xuất, dịch vụ đến tiêu thụ sản phẩm, quan tâm đến các tổ hợp tác, hợp tác xã ở những vùng chuyên canh lúa đặc sản, vùng sản xuất theo GAP. Tổ chức tập huấn triển khai hướng dẫn cho các HTX thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Thu thập thông tin các Hợp tác xã để cập nhật vào Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Thanh tra Sở

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng, cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kịp thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

7. Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở

Theo dõi tiến độ sản xuất, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện các kế hoạch được giao, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

8. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế các huyện, thành phố

- Tham mưu giúp UBND huyện, thành phố xây dựng và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất cây trồng vụ Thu Đông 2022, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bố trí cơ cấu cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phù hợp với điều kiện tự nhiên và thị trường. Xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh gắn với liên kết tiêu thụ, xây dựng thương hiệu cho nông sản.

- Rà soát lại hệ thống đê bao, trạm bơm, độ ngập nước trên ruộng nhằm đảm bảo phục vụ xuống giống tập trung, né rầy, quản lý dịch bệnh, tưới tiêu và bảo vệ sản xuất an toàn trong mùa lũ.

- Theo dõi tình hình sâu bệnh, nhất là đối với rầy nâu bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá để có hướng quản lý; Theo dõi, đánh giá tình hình sản xuất, cung ứng giống trên địa bàn, bố trí cơ cấu giống lúa phù hợp theo từng vùng, khu vực ở địa phương.

- Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các ngành, đoàn thể ở địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, mô hình khuyến nông trên cây trồng, xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

- Phối hợp với Thanh tra Sở trong việc quản lý chặt chẽ tình hình sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.

- củng cố, duy trì hoạt động Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ huy phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ở địa phương để chỉ đạo xuống giống, theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất và kịp thời đối phó khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

9. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố

Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành, đoàn thể ở địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, mô hình khuyến nông, sản xuất giống lúa, củng cố và phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Cục Trồng trọt;
- UBND Tỉnh (b/c);
- UBND huyện, thành phố;
- GD và PGD Sở;
- P NN&TNT/P KT huyện, thành phố;
- TT DVNN huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC_(Huong).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quốc Điền

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày /5/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

	Các chỉ tiêu	Toàn tỉnh	TP. Cao Lãnh	TP. Sa Đéc	TP. Hồng Ngự	Tân Hồng	Hồng Ngự	Tam Nông	Tháp Mười	Cao Lãnh	Thanh Bình	Lấp Vò	Lai Vung	Châu Thành
I	Lúa Thu Đông 2022	113.600	873	330	2.005	9.600	0	12.440	33.310	21.600	7.740	9.277	7.135	9.290
	Năng suất (tạ/ha)	57,67	57,7	54,6	62	59,0		59,8	55,3	56,6	61,5	59,1	59,0	58,0
	Sản lượng (tấn)	655.171	5.040	1.802	12.331	56.640	0	74.391	184.304	122.256	47.601	54.827	42.097	53.882
II	Hoa màu CCCNN	8.123,0	22,2	794,6	36,9	1.400,0	479,4	258,5	200,0	546,0	804,0	1.341,3	625,0	1.615,1
1	Bắp	799,5	0,0	8,3	8,0	20,0	0,0	10,0	0,0	94	303,2	326,0	29,0	1,0
2	Cây lấy củ có chất bột	641,7	0,0	0,0	0,0	45,0	0,0	32,0	0,0	0,0	31,0	250,5	10,0	273,2
	- Khoai lang	333,0	0,0	0,0	0,0	40,0	0,0	0,0	0,0	-	0,0	20,0	0,0	273,0
	- Cây có chất bột khác (ấu, khoai môn...)	308,7	0,0	0,0	0,0	5,0	0,0	32,0	0,0	-	31,0	230,5	10,0	0,2
3	Mía	1,0	0,0	0,0	1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	-	0,0	0,0	0,0	0,0
4	Cây lấy sợi	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
	- Cói (lác)	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	-	0,0	0,0	0,0	0,0

	Các chỉ tiêu	Toàn tỉnh	TP. Cao Lãnh	TP. Sa Đéc	TP. Hồng Ngự	Tân Hồng	Hồng Ngự	Tam Nông	Tháp Mười	Cao Lãnh	Thanh Bình	Lấp Vò	Lai Vung	Châu Thành
5	Cây có hạt chứa dầu	100,5	0,0	1,0	0,0	20,0	0,0	0,0	0,0	0,0	4,5	28,0	0,0	47,0
	- Đậu nành	13,5	0,0	1,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	-	4,5	2,0	0,0	6,0
	- Đậu phộng	30,0	0,0	0,0	0,0	20,0	0,0	0,0	0,0	-	0,0	10,0	0,0	0,0
	- Mè	57,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	-	0,0	16,0	0,0	41,0
6	Rau các loại	1.636,0	22,2	35,8	0,0	200,0	400,0	69,5	0,0	146	57,6	33,0	0,0	671,9
7	Đậu các loại	169,4	0,0	4,9	3,0	10,0	0,0	25,0	0,0	-	12,0	23,0	0,0	91,5
8	Ớt	441,0	0,0	3,5	9,5	25,0	0,0	0,0	0,0	83	176,0	77,0	58,0	9,0
9	Sen	430,5	0,0	1,0	0,2	80,0	0,0	29,5	42,3	197	7,5	52,0	10,0	11,0
10	Rau màu khác còn lại	2.925,8	0,0	11,5	15,2	1.000,0	79,4	33,0	0,0	26	212,2	523,0	518,0	507,5
11	Hoa các loại	977,7	0,0	728,6	0,0	0,0	0,0	59,5	157,8	-	0,0	28,8	0,0	3,0

PHỤ LỤC 2
KẾ HOẠCH XẢ LŨ NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày /5/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Huyện, thành phố	Diện tích ô bao (ha)	Số ô bao	Diện tích xả lũ (ha)	Thời gian xả lũ	Mức nước (mét)		Ghi chú
						Có kiểm soát	Không kiểm soát	
	TOÀN TỈNH	103.600,6	510,0	88.162,5				
1	TP. Cao Lãnh	1.177,4	16	1.049,0	01/9 - 05/10/2022	0,5 - 1		
2	TP. Sa Đéc	674	13	356,3	30/11 - 4/11/2022	x	x	
3	TP. Hồng Ngự	430	2	430,0	20/9 - 20/10/2022	0,3 - 1		
4	Tân Hồng			0,0				Không xả lũ
5	Hồng Ngự	11.957,6	13,0	11.957,6	30/8 - 15/9/2022	3	x	
6	Tam Nông							Không gửi diện tích xả lũ
7	Tháp Mười	15.731,8	83,0	15.731,8	15/8-20/11/2022	0,3 - 0,9		
8	Cao Lãnh	21.599,8	167,0	21.599,8	10/9 - 30/10/2022	0,5 - 1		
9	Thanh Bình	14.051	32	14.051	01/7 - 15/11/2022	x	x	
10	Lấp Vò	13.685	133	12.361	10/7 - 15/12/2022	0,5 - 2	x	
11	Lai Vung	891	14	712	20/8 - 30/10/2022	0,4 - 0,8		
12	Châu Thành	23.403	37	9.914	1/9 - 5/12/2022	0,5 - 0,8		

